

MỘT SỐ BIỂU HIỆN MẤT KHẢ NĂNG TỰ TÁI TẠO CỦA MÔI TRƯỜNG SINH THÁI NHÂN VĂN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

ThS. TRẦN TRUNG DŨNG - TS. TRẦN THỊ NGỌC ANH*

Summary: In recent years, with the abnormal expression of climate change and polluted environment, human ecology in Vietnam has also been adversely affected, resulting in the inability to replicate itself caused by objective and subjective reasons. The article suggests some solutions to minimize the consequences of regenerating inability for human's living conditions.

Keywords: Human ecology environment, regenerating inability, sustainable development.

1. Khái niệm

Sinh thái nhân văn (Human Ecology) trước hết là lĩnh vực nghiên cứu tương tác giữa cộng đồng và hệ sinh thái (ST) tự nhiên trong hoạt động sống của con người. Các hệ thống sinh thái nhân văn (STNV), vì vậy trước hết là các hệ thống kinh tế - văn hoá - ST mang đậm bản sắc của cộng đồng bản địa và dấu ấn của hệ tự nhiên bản địa. Trong một hệ thống STNV, yếu tố tự nhiên và yếu tố cộng đồng gắn bó chặt chẽ, nương tựa vào nhau, việc tách rời hai yếu tố đó đều gây thiệt hại cho mỗi phía. Việc nghiên cứu và quản lí các hệ thống STNV trước hết là sự tôn trọng mối quan hệ hữu cơ này.

Quản lí môi trường hiện nay nhiều khi chỉ chú ý đến phân hệ ST tự nhiên (được gọi tắt là "Môi trường ST") hoặc chỉ chú ý đến phân hệ xã hội nhân văn (được gọi tắt là "môi trường nhân văn") thực ra là chỉ chú trọng đến từng bộ phận riêng lẻ của hệ thống môi trường. *Tổ chức bảo tồn thiên nhiên quốc tế* (IUCN) (1996) đã được đưa ra mô hình "quả trứng" để mô tả Hệ thống môi trường với xác định thực chất hệ thống môi trường chính là hệ thống STNV. Trong đó, phân hệ xã hội nhân văn được ví như "lòng đỏ", phân hệ ST tự nhiên (hệ nuôi dưỡng sự sống) được biểu thị bằng "lòng trắng", còn phân hệ hoạt động kinh tế chính là điều kiện xảy ra tương tác giữa hai phân hệ trên. "Vỏ" mỏng manh của quả trứng phản ánh tính dễ bị biến đổi, dễ bị phá huỷ của hệ thống môi trường.

Khả năng tái tạo của môi trường STNV thể hiện ở cả ba khía cạnh trên: Tự tái tạo của phân hệ nhân văn; Tự tái tạo của phân hệ ST tự nhiên; Tự tái tạo của phân hệ kinh tế. Khả năng tự tái tạo của các phân hệ này chính là khả năng bù đắp lại những tổn thất gây ra trong mối quan hệ giữa ba phân hệ tạo nên chỉnh thể môi trường STNV.

Mất cân bằng khả năng tự tái tạo của môi trường STNV là sự suy giảm khả năng tự tái tạo của các phân hệ, qua đó mất khả năng bù đắp những tổn hại gây ra trong mối quan hệ giữa ba phân hệ, từ đó làm cho hệ thống môi trường STNV bị tổn thương.

2. Thực trạng mất cân bằng khả năng tự tái tạo của môi trường STNV ở Việt Nam

Đối với Việt Nam, tuy là một nước nông nghiệp, hơn nữa sự phát triển của xã hội ta hiện nay vẫn chưa vượt ra khỏi trình độ của nền văn minh công nghiệp, thế nhưng điều đó không có nghĩa là không có hiểm họa ST đe dọa.

Ở các nước phát triển, hiểm họa ST là do sự phát triển của kĩ thuật công nghệ, do sự phát triển tự phát của nền văn minh công nghiệp, thì ở Việt Nam, hiểm họa ST là do sự mâu thuẫn nan giải giữa phát triển và lạc hậu, do ảnh hưởng còn nặng nề của nếp suy nghĩ, nếp làm của người sản xuất nhỏ và lối sống công nghiệp còn chưa ổn định, chưa hoàn thiện.

Thiên nhiên nước ta trước đây bị phá hoại bởi những cuộc chiến tranh kéo dài, còn bây giờ bị phá hoại bởi những hoạt động vô ý thức, thái độ tùy tiện vô trách nhiệm, thiếu kế hoạch trong việc khai thác và sử dụng các nguồn thiên nhiên. Trước năm 1945, ở nước ta, rừng bao phủ 43,8% diện tích che phủ, nhưng hiện thời chỉ còn 28% (tức là dưới mức báo động 30%). Diện tích đất trống, đồi trọc đang bị xói mòn tăng mạnh, lên khoảng 13,4 triệu ha. Nguyên nhân chính là do tập tục du canh du cư của đồng bào dân tộc thiểu số, cộng với việc lấy gỗ, củi, mở mang giao thông, xây dựng thủy điện...

* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Hiện nay, ô nhiễm môi trường cũng đang là vấn đề nan giải, chất thải công nghiệp, chất thải sinh hoạt, chất độc hại của quá trình sản xuất không được xử lý nghiêm túc mà đưa trực tiếp vào môi trường, gây bệnh tật và làm hỏng môi trường ST. Khu công nghiệp Biên Hoà I hằng ngày xả ra sông Đồng Nai khoảng 20.000m³ nước thải nhiễm bẩn và thải lượng chất rắn 260-300 tấn/1 tháng... Đó là chưa kể khu công nghiệp Biên Hoà II.

Nồng độ bụi ở đô thị vượt quá nhiều lần chỉ tiêu cho phép. Khí thải CO² vượt tiêu chuẩn cho phép từ 1,5-2,5 lần, nhất là ở các đô thị lớn như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh.

Ô nhiễm môi trường cũng đang là vấn đề nan giải, chất thải công nghiệp, chất thải sinh hoạt, chất độc hại của quá trình sản xuất không được xử lý nghiêm túc mà đưa trực tiếp vào môi trường, gây bệnh tật và làm hỏng môi trường ST... Ngoài ra, vấn đề khai thác mỏ, vật liệu xây dựng, vàng, đá quý... chính thức và tự do cũng đã và đang làm huỷ hoại môi trường ST. Việc sử dụng mìn khai thác ở nhiều vùng núi đá đang tàn phá sự cân bằng về hệ ST môi trường nơi đây.

Sự không bền vững đó thể hiện ở cả ba khía cạnh sau:

2.1. Suy giảm khả năng tái tạo của phân hệ nhân văn. Điều này thể hiện rõ nhất ở việc càng ngày càng phụ thuộc của con người vào những sản phẩm khoa học công nghệ, những trang thiết bị hiện đại, đặc biệt thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin. Việc sử dụng rộng rãi những thiết bị đó không thể phủ nhận là một trào lưu tất yếu, nhưng nó làm con người không còn gắn gũi nhau trong đời thực mà thường mất rất nhiều thời gian trong thế giới ảo. Những thiết bị đó tưởng chừng làm công việc kết nối toàn cầu nhưng thực sự lại làm đứt gãy những kết nối thông dụng nhất. Đôi khi con người hiện đại không biết sẽ phải xử lý tình huống như thế nào khi không có sự trợ giúp của các phương tiện ấy.

Một biểu hiện cũng khá đậm nét minh chứng cho sự suy giảm khả năng tái tạo của phân hệ nhân văn, đó là xu hướng con người bị cô đơn hóa và vô cảm hóa. Sống quần tụ, nương tựa nhau thành những cụm dân cư là một tập tính được thiết lập từ thuở hồng hoang của loài người, nhưng giờ đây, điều đó có lúc không phải là quan trọng nữa. Tình trạng này dẫn đến việc nhân cách con người khó có thể hoàn thiện, dễ thờ ơ trước đồng loại, chối từ sự sẻ chia...

2.2. Suy giảm khả năng tái tạo của phân hệ ST tự nhiên. Điều này là dễ nhận biết hơn cả, khi hằng năm chúng ta được tiếp cận với những số liệu thống kê bao nhiêu loài động, thực vật phải ghi vào sách đỏ hoặc bị tuyệt chủng hoàn toàn. Sự tiến hóa, bảo tồn hàng triệu triệu năm của tạo hóa dường như bất lực trước những hành động tàn khốc trong một khoảng thời gian ngắn của con người. Những tài nguyên hữu hạn bị cạn kiệt. Tầng sinh quyển bị tổn thương. Trái đất không còn được như xưa nữa.

3. Nguyên nhân mất cân bằng khả năng tự tái tạo của môi trường STNV ở Việt Nam

Mất cân bằng môi trường ST nói chung và mất cân bằng khả năng tự tái tạo của môi trường STNV ở Việt Nam chịu sự tác động của hai yếu tố cơ bản sau:

3.1. Các yếu tố tự nhiên, bao gồm: núi lửa, động đất, lũ lụt, sóng thần, bão...

Ở Việt Nam, hàng năm phải hứng chịu trung bình 8-10 cơn bão, chủ yếu tập trung ở khu vực miền Trung. Ngoài ra, do điều kiện địa hình phức tạp nên ở các vùng núi phía Bắc, phía Tây cũng thường xuyên xảy ra các hiện tượng lũ quét, lũ ống gây ra những tổn hại vô cùng nghiêm trọng cho môi trường.

Bên cạnh đó, Việt Nam cũng là quốc gia chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ những tác động của việc thủy triều dâng và biến đổi khí hậu. Đặc biệt là khu vực Nam bộ, những năm gần đây, nước thủy triều thường xuyên dâng cao, xâm lấn vào sâu trong đất liền, khu dân cư, làm đất bị ngập mặn, phá hủy mùa màng. Khu vực Nam Trung bộ khí hậu những thập niên gần đây vô cùng khắc nghiệt, nhiệt độ trung bình tăng cao, lượng mưa thấp, hạn hán kéo dài, ngành canh tác nông nghiệp và chăn thả gia súc gặp muôn vàn khó khăn.

3.2. Các yếu tố nhân tạo. Các quá trình nhân tạo gắn liền với hoạt động sống của con người làm ảnh hưởng đến sự tái tạo môi trường có thể kể như:

- Tiêu diệt một loài thực vật hay động vật nào đó, hoặc làm tăng nhanh số lượng và chất lượng đột ngột của một loài nào đó, như đưa vào hệ ST một hay một số loài sinh vật mới lạ, loài đó trong quá trình sinh sôi nảy nở lại tiêu diệt những loài sinh vật khác. Theo thống kê, trong vòng 50 năm qua, Việt Nam đã nhập 41 loài thủy sinh vật ngoại lai, trong đó có những loài phải theo dõi nghiêm ngặt vì tác hại của chúng như: ốc bươu vàng, rùa tai đỏ, cá dọn bể...

- Phá vỡ nơi cư trú vốn đã ổn định từ trước tới nay của các loài sinh vật. Đưa vào hệ ST tự nhiên các hợp chất nhân tạo mà sinh vật không có khả năng phân

hủy như: các loại chất tổng hợp, dầu mỡ, thuốc trừ sâu ... làm nhiễm độc và ô nhiễm môi trường sống của các loài sinh vật đó. Vụ việc Công ti bột ngọt Vedan xả thải trực tiếp ra sông Thị Vải làm cá chết trắng xóa cả vùng là một ví dụ điển hình về kiểu loại hành vi này. Hoặc vụ chặt phá rừng tại Đà Nẵng vừa qua làm kinh động tới loài Voọc đuôi đỏ cũng là một hành vi không thể chấp nhận được.

4. Kiến nghị

Rõ ràng vấn đề mất cân bằng khả năng tái tạo của môi trường STNV không chỉ là vấn đề riêng của một quốc gia mà là vấn đề của toàn nhân loại. Vấn đề này đã được cảnh tỉnh trước đó rất lâu, từ ngày 5/6/1972 tại Stockholm (Thụy Điển), các nhà khoa học và đại diện chính phủ nhiều nước đã họp Hội nghị môi trường thế giới lần đầu tiên để nhắc nhở “Con người hãy cứu lấy cái nôi của chúng ta” và coi ngày 5/6 hàng năm là ngày môi trường thế giới. Sau đó, 6/1992 tại Braxin, Hội nghị thượng đỉnh về môi trường thế giới diễn ra với sự tham dự của hơn 100 quốc gia và tổ chức quốc tế, một lần nữa khẳng định tình trạng suy thoái môi trường nghiêm trọng, kêu gọi mọi quốc gia hãy hợp tác hiệp lực có trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ môi trường. Thế nhưng cho đến hôm nay, tình trạng vẫn không được cải thiện đáng kể là bao, và vấn đề ô nhiễm môi trường nói chung và mất cân bằng môi trường STNV nói riêng vẫn là vấn đề nóng bỏng.

Đối với Việt Nam, chúng ta cần chỉ ra những định hướng cơ bản góp phần vào nhiệm vụ chung của mọi người là gìn giữ mối quan hệ tốt đẹp giữa con người và môi trường sống.

4.1. Để làm tốt công tác bảo vệ môi trường sống, chúng ta cần phải thay đổi nhận thức - xây dựng ý thức đạo đức STNV, làm cho mọi người nhận thức một cách tự giác về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên là mối quan hệ gắn bó máu thịt. Con người cần phải nhận thức lại vị trí vai trò của mình và xã hội trong hệ thống tự nhiên - con người - xã hội.

Thông qua quá trình phát triển khoa học kĩ thuật và công nghệ, con người dần dần nắm bắt được các quy luật của tự nhiên và tìm cách vận dụng một cách hợp lí các quy luật đó vào hoạt động thực tiễn của xã hội, để tạo cơ sở tự nhiên bền vững cho sự phát triển xã hội.

4.2. Cần kết hợp giữa mục tiêu kinh tế và mục tiêu ST trong quá trình CNH, HĐH. Ở Việt Nam, đã một thời do nhiều yếu tố khách quan và chủ quan, chúng ta chưa nhận thức đầy đủ ý nghĩa vị trí tầm

quan trọng của công tác bảo vệ môi trường ST. Tình trạng tách rời công tác này với sự phát triển KT-XH xảy ra phổ biến ở nhiều ngành, nhiều cấp. Ý thức ST học chủ yếu mới nằm trong đầu các nhà khoa học, các nhà quản lí ... chứ chưa có sự chuyển biến mạnh mẽ trong toàn xã hội (mặc dù gần đây đã có luật bảo vệ môi trường). Đối với mục tiêu tăng trưởng kinh tế, không có con đường nào khác là phải tiến hành CNH, HĐH đất nước. *Nghị quyết Trung ương khoá VIII* cũng khẳng định: “Phát triển khoa học công nghệ gắn liền với bảo vệ và cải thiện môi trường ST, bảo đảm phát triển KT-XH nhanh và bền vững”.

Đối với nước ta hiện nay, để thực hiện CNH, HĐH trước hết phải đổi mới công nghệ để tăng năng suất lao động và hiệu quả kinh tế. Đổi mới công nghệ bằng hai con đường: chuyển giao công nghệ và tự tiếp thu công nghệ hiện đại - công nghệ có hàm lượng chất xám cao và công nghệ sạch, từ đó chúng ta mới có thể nhanh chóng thực hiện được CNH, HĐH, đồng thời đó cũng chính là phương thức thực hiện hữu hiệu nhất để kết hợp các mục tiêu kinh tế và ST. Phát triển kinh tế mà huỷ hoại môi trường cũng đồng nghĩa với *sự kết án tương lai* của mình. Do vậy mục tiêu chuyển giao công nghệ phải làm sao vừa đáp ứng được yêu cầu tăng trưởng kinh tế, vừa đảm bảo vấn đề cân bằng môi trường ST.

4.3. Nền sản xuất xã hội cần phải thực hiện thêm chức năng tái sản xuất các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Các nguồn tài nguyên là một loại “vốn” không thể thay thế được, con người đã sử dụng chúng một cách ô ạt, lãng phí, làm cạn kiệt và gây ô nhiễm môi trường. Nền sản xuất xã hội chưa quan tâm đúng mức đến hiệu quả của tài nguyên thiên nhiên, từ khâu khai thác chế biến, cũng như đến các chất thải bỏ, các quá trình sản xuất phần lớn chưa đáp ứng được yêu cầu ST, đã thải ra quá nhiều chất độc hại cho môi trường.

Để tránh tình trạng trên, nền sản xuất cần phải thực hiện thêm chức năng tái sản xuất các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Cụ thể là phải thay thế phương thức sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên từ bề rộng sang bề sâu, cố gắng sử dụng tối đa các tính năng vốn có của nó để sao cho khi thải ra khỏi quá trình sản xuất, các sinh vật khác có thể sử dụng được, môi trường có thể tiếp nhận được và xử lí được như những chất thải của các sinh vật tự nhiên khác. Nói cách khác là thực hiện phương pháp chu trình công

(Xem tiếp trang 177)

tổ chức quần chúng nhân dân) về tri thức, tình cảm, ý chí và năng lực thực hiện, nâng cao năng lực tổ chức thực hiện, năng lực nhận thức và vận dụng các quy luật kinh tế, đảm bảo cho được tính định hướng xã hội chủ nghĩa, quan tâm đúng đắn các chính sách cho con người, nhằm chống mọi khuynh hướng lệch lạc, thoái hóa biến chất, tham ô, tham nhũng, hạn chế mặt trái của cơ chế thị trường, đủ sức miễn dịch với những tiêu cực khác trong quá trình CNH, HĐH... Đó là những vấn đề chủ yếu quyết định giải pháp của việc nâng cao vai trò nhân tố chủ quan trong sự nghiệp CNH, HĐH hiện nay ở nước ta. Phát huy vai trò nhân tố chủ quan trong quan hệ biện chứng với nhân tố khách quan chính là biện pháp mà dạy học triết học cần chú trọng khai thác trong giải quyết mối quan hệ biện chứng giữa CT-KT nhằm hình thành, phát triển năng lực phương pháp luận cho người học.

3. Biện chứng giữa CT-KT có cơ sở từ việc giải quyết duy vật biện chứng vấn đề cơ bản của triết học và nguyên lý thực tiễn, nên không phải là vấn đề triết học thuần túy có tính chất lý luận, mà chứa đầy tính thực tiễn. Nội dung của các phạm trù *chủ thể, khách thể* và mối quan hệ biện chứng giữa chúng luôn được xác định trong các mối quan hệ có tính lịch sử cụ thể của đời sống thực tiễn. Quan điểm gắn lý luận với thực tiễn trong dạy học triết học sẽ được thực hiện sinh động nhất khi các vấn đề khác nhau của triết học được giải quyết gắn liền với biện chứng giữa CT-KT (từ dạy học về nội dung các nguyên lý triết học đến rút ra ý nghĩa phương pháp luận từ các nguyên lý đó), mà mục tiêu cuối cùng là *phát huy vai trò nhân tố chủ quan*. Hi vọng đề xuất này phần nào giúp dạy học triết học có thêm tác dụng thiết thực đối với đổi mới giáo dục hiện nay là góp phần tích cực vào việc hình thành, phát triển năng lực thế giới quan và phương pháp luận cho người học. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Phạm Văn Đức (2000). *Một số suy nghĩ về vai trò của giáo dục, đào tạo trong phát triển nguồn nhân lực con người*. Tạp chí Triết học, số 6, tr 9.
 [2] Nguyễn Đình Hòa (1999). *Công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn: vấn đề nguồn nhân lực*. Tạp chí Triết học, số 5 (111), tr 17.
 [3] Đoàn Văn Khải (2000). *Bàn thêm về khái niệm nguồn lực con người*. Tạp chí Triết học, số 3, tr 32.
 [4] Lê Đình Lục (2000). *Quan hệ chủ thể - đối tượng trong cảm thụ thẩm mỹ*. Tạp chí Triết học, số 3, tr 57.
 [5] Rodentan. M.M (1986). *Từ điển Triết học*. NXB Tiến bộ và NXB Sự thật dịch. NXB Tiến bộ, Mát-xcơ-va.

[6] Rozentan. M.M (1962). *Nguyên lý logic biện chứng*. NXB Sự thật.

[7] Sepstulin. A.P (1987). *Phương pháp nhận thức biện chứng*. NXB Sách giáo khoa Mác-Lênin.

[8] Nguyễn Thị Tú Oanh (1998). *Nguồn lực con người - Chủ thể trực tiếp quyết định sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*. Tạp chí Khoa học chính trị, số 2, tr 33.

[9] Nguyễn Văn Phúc (1998). *Về sự khắc phục những tác động tiêu cực của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đối với sự phát triển nhân cách*. Tạp chí Triết học, số 1 (101), tr 13.

[10] Đặng Hữu Toàn (2000). *Gắn phát triển con người Việt Nam hiện đại với giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc*. Tạp chí Triết học, số 4, tr 5.

Một số biểu hiện mất khả năng...

(Tiếp theo trang 180)

nghệ khép kín, nghĩa là đưa các chất thải của sản xuất vào lĩnh vực tiêu dùng của sản xuất, tăng cường cái gọi là “công nghệ khô”, khử các chất độc hại bằng sinh học.

Tóm lại, các nhân tố kinh tế, con người, môi trường, công nghệ gắn bó chặt chẽ với nhau. Chỉ có sự thực hiện đồng bộ các nhân tố đó mới tạo ra được sự tiến bộ thật sự của xã hội. Ở đây, con người với tư cách là chủ thể của lao động và trí tuệ, là nhân tố giữ vai trò quyết định cho sự phát triển lâu bền. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Văn Thanh (8/2009). *Xây dựng mô hình sinh thái hiện đại trong chiến lược phát triển đất nước*. Tạp chí Cộng sản.
 [2] Phạm Thị Ngọc Trâm (6/2009). *Xây dựng đạo đức sinh thái - một trách nhiệm xã hội của con người với tự nhiên*. Tạp chí Triết học.
 [3] Hoàng Xuân Tý - Lê Trọng Cúc (1999). *Kiến thức bản địa của đồng bào vùng cao trong nông nghiệp và quản lý tài nguyên thiên nhiên*. NXB Nông nghiệp.
 [4] Trương Mạnh Tiến (1966). *Sự phát triển của thương mại tự do trong kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay với vấn đề bảo vệ môi trường sinh thái*. Luận án tiến sĩ kinh tế.
 [5] Phan Thị Hồng Duyên (1/2008). *Giáo dục đạo đức sinh thái vì sự phát triển bền vững cho con người và giới tự nhiên*. Tạp chí Triết học.
 [6] Đỗ Huy (2/2007). *Giáo dục đạo đức sinh thái và xây dựng môi trường văn hóa trong lịch trình thế kỷ XXI*. Tạp chí Lý luận chính trị.